TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày 09 - 01 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh
Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 276/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2025/QĐXXST-DS ngày 28/11/2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 114/2025/QĐST-DS ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/4/1989. CCCD số: 024189003035, cấp ngày 11/4/2021. Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1998. CCCD số 024098008467. Nơi cư trú: Thôn N, xã Kép, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày*: Chị với anh Nguyễn Trọng N có mối quan hệ là quen biết bạn bè với nhau lâu năm. Khoảng tháng 4/2024, anh N đến gặp chị và trao đổi với chị về việc muốn vay chị một số tiền để làm ăn kinh doanh. Do tin tưởng anh N, hơn nữa lại là bạn bè lâu năm nên chị đã đồng ý cho anh N vay và đứng tên vay hộ anh N một số khoản tiền như sau:

1. Ngày 10/06/2024, chị đã đứng tên hộ anh N để ký hợp đồng vay số LD2416202822 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPbank) số tiền vay 80.000.000 đồng, thời hạn là 48 tháng, theo phương thức trả góp gốc và lãi hàng tháng, lãi suất thả nổi của Ngân hàng (hàng tháng, VPbank đều gửi tin nhắn qua tài

khoản zalo chính thức của VPbank, thông báo số tiền gốc và tiền lãi, sau đó tự động trừ số tiền này trên tài khoản ngân hàng VP Bank của chị). Theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm duyệt khoản vay thì lãi suất là 32%/năm, biên độ điều chỉnh lãi suất là 24%. Theo thực tế trả lãi hàng tháng mà ngân hàng thông báo, thì lãi suất dao động từ 2,2%~2,68%/tháng (tương đương với 27,3%~32,2%/năm). Sở dĩ đứng tên vay hộ cho anh Nguyễn Trọng N do anh N đang nợ xấu với ngân hàng nên không thể vay được nên nhờ chị đứng tên khoản vay. Sau khi Ngân hàng giải ngân thì chị đã bàn giao số tiền 80.000.000 đồng cho anh N.

Tuy nhiên, anh N chỉ trả lại cho chị các khoản gốc và khoản lãi đến hết 11/11/2024, sau đó không trả nữa. Cụ thể, anh N đã trả cho chị 4.378.071 đồng tiền gốc và 10.549.786 đồng tiền lãi.

Nay chị xác định, đây là số tiền chị cho anh N vay, mặc dù theo thỏa thuận ban đầu thu đúng theo lãi của ngân hàng (dao động từ 27,3~32,2%/tháng), nhưng chị đồng ý tính lãi theo mức trần của pháp luật là 20%/năm. Số lãi chênh lệch với lãi suất ngân hàng thực tế, chị tự thu xếp chi trả.

Về thời điểm chuyển lãi quá hạn, Điều 3 Hợp đồng quy định: "Trong trường hợp bên vay chậm thanh toán các khoản lãi hoặc các khoản tiền gốc, Bên cho vay có quyền (không phải nghĩa vụ) chấm dứt hợp đồng vay và yêu cầu Bên vay thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi (tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng) cho Bên cho vay". Đến nay chị xác định, đến thời điểm 13/6/2025 (thời điểm kết thúc khoản vay 67.325.000 đồng), anh N đều không thanh toán các khoản vay, nên chị đã thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng này, chị xác định, đây là thời điểm kết thúc khoản vay này và chuyển khoản nợ này thành nợ quá hạn và tính lãi quá hạn. Trước thời điểm này, khoản vay 80 triệu này được tính với lãi trong hạn với lãi suất 20%.

Do đó, với lãi trong hạn, lãi suất 20%, số ngày tính lãi từ ngày 10/6/2024 tới ngày 13/6/2025 là 368 ngày (Tương đương 1 năm và 3 ngày), lãi trong hạn tương ứng là: (80.000.000 x 368 x 20%)/365 = 16.131.507 đồng.

Như vậy, đối với khoản vay này, anh N còn chưa trả chị 75.621.929 đồng tiền gốc và 5.581.721 đồng tiền lãi, tổng là 81.203.650 đồng.

Về lãi quá hạn, chị đề nghị mức lãi suất 20%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày tiếp theo ngày chấm dứt hợp đồng (14/6/2025) cho tới ngày anh N thực tế trả nợ. Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/01/2026 (ngày xét xử), tương ứng với 210 ngày (tương đương: 6 tháng và 26 ngày), là: (75.621.929 x 210 x 20%)/365 = 8.701.701 đồng.

Vậy với khoản vay này, chị đề nghị anh N trả cho chị: 75.621.929 đồng tiền gốc, 5.581.721 đồng tiền lãi trong hạn và 8.701.701 đồng lãi quá hạn, tổng 89.905.351 đồng.

2. Ngày 13/06/2024, chị cho anh N vay số tiền 67.325.000 đồng thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 13/06/2024 đến ngày 13/06/2025 với mức lãi suất 2%/tháng. Hiện nay, anh N chưa trả cho chị số tiền gốc. Tiền lãi mới trả cho chị tổng cộng 10.890.000 đồng. Về lãi suất trong hạn, mặc dù các bên thỏa thuận với nhau là 2%/tháng, nhưng chị chỉ yêu cầu anh N trả lãi tương ứng với 20%/năm. Tổng số lãi anh N phải trả từ 13/06/2024 đến ngày 13/06/2025 (tức 1 năm) là: (67.325.000 x 365 x 20%) / 365 = 13.465.000 đồng. Như vậy, sau khi trừ đi khoản tiền lãi anh N đã trả, số tiền lãi trong hạn anh N còn phải

trả là: 13.465.000 – 10.890.000 = 2.575.000 đồng. Về lãi quá hạn, chị đề nghị mức lãi suất 20%/năm. Thời gian tính lãi quá hạn bắt đầu từ ngày tiếp theo ngày hết hạn khoản vay là 14/6/2025 cho tới khi anh N thực tế trả chị tiền. Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/01/2026 (ngày xét xử), tương ứng với 210 ngày (tương đương: 6 tháng và 26 ngày), là: (67.325.000 x 210 x 20%) / 365 = 7.746.986 đồng.

Vậy với khoản vay này, chị đề nghị anh N trả cho chị: 67.325.000 đồng tiền gốc, 2.575.000 đồng tiền lãi trong hạn và 7.746.986 đồng lãi quá hạn, tổng 77.646.986 đồng.

3. Ngày 08/6/2024, chị đã cho anh N vay số tiền 60.055.000 đồng, đưa tiền mặt. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 08/6/2024 đến ngày 08/6/2025 với lãi suất là 0%/tháng. Mục đích anh N vay tiền là bảo để làm ăn kinh doanh.

Do anh N đến thời điểm này chưa thanh toán nợ gốc cho chị, nên chị đề nghị tính lãi quá hạn theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với 10%/năm. Thời gian tính lãi quá hạn bắt đầu từ ngày tiếp theo ngày hết hạn khoản vay là 09/6/2025 cho tới khi anh N thực tế trả chị tiền. Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/01/2026 (ngày xét xử), tương ứng với 215 ngày (tương đương: 7 tháng), là: (60.055.000 x 215 x 10%) / 365 = 3.537.486 đồng.

Vậy với khoản vay này, chị đề nghị anh N trả cho chị: 60.055.000 đồng tiền gốc và 3.537.486 đồng tiền lãi quá hạn, tổng 63.592.486 đồng.

4. Ngày 10/7/2024, anh N tiếp tục đến gặp chị và hỏi vay chị tiền. Chị đồng ý cho anh N vay số tiền 100.000.000 đồng không có lãi suất (lãi suất 0%/tháng). Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày 10/7/2024 đến ngày 10/01/2025. Tính đến nay, anh N cũng chưa trả chị bất kỳ đồng nào.

Do anh N đến thời điểm này chưa thanh toán nợ gốc cho chị, nên chị đề nghị tính lãi quá hạn theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với 10%/năm. Thời gian tính lãi quá hạn bắt đầu từ ngày tiếp theo ngày hết hạn khoản vay là 11/01/2025 cho tới khi anh N thực tế trả chị tiền. Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/01/2026 (ngày xét xử), tương ứng với 364 ngày (Tương đương 11 tháng và 30 ngày), là: (100.000.000 x 364 x 10%) / 365 = 9.972.603 đồng.

Vậy với khoản vay này, chị đề nghị anh N trả cho chị: 100.000.000 đồng tiền gốc và 9.972.603 đồng tiền lãi quá hạn, tổng 109.972.603 đồng.

Đối với Hợp đồng vay, việc vay mượn của anh N diễn ra từ tháng 6/2024. Tuy nhiên do tin tưởng nên chị và anh N không lập giấy vay tiền. Đến tháng 11/2024, do chị đã cho anh N vay nhiều khoản, nên thời điểm này chị và anh N mới lập Hợp đồng vay tiền, bản chất là giấy chị và anh N lập ra để xác nhận lại các khoản anh N đã vay chị và nhờ chị vay hộ Ngân hàng.

Tổng hợp tiền gốc, tiền lãi của các khoản kể trên, tạm tính đến ngày 09/01/2026 (ngày xét xử) là 341.117.427 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi mốt triệu một trăm mười bảy nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng).

Chị đề nghị Toà án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh buộc anh N phải có trách nhiệm trả chị toàn bộ tiền gốc và lãi trên.

** Bị đơn anh Nguyễn Trọng N,* mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý qua số điện thoại 0338105222, giao, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh N vẫn không phối kết hợp để làm việc.

Tại phiên toà hôm nay chị H vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh N vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh N vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc anh Nguyễn Trọng N phải có trách nhiệm thanh toán trả chị Nguyễn Thị H tổng số tiền nợ gốc là 303.001.929 đồng và 38.115.498đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 341.117.427 đồng (Ba trăm bốn mốt triệu một trăm mười bảy nghìn bốn trăm hai bảy đồng). Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí, tuyên lãi suất chậm thanh toán, việc thi hành án và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, khởi kiện đòi tiền cho vay đối với anh Nguyễn Trọng N. Nơi cư trú: Thôn N, xã Kép, tỉnh Bắc Ninh. Nội dung: Theo giấy vay tiền do chị H xuất trình, thì chị H có cho anh N vay 307.380.000đ. Nay chị H yêu cầu anh N phải trả cho chị H số tiền gốc còn nợ và lãi suất theo pháp luật, kể từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh N vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc:

[2.1] Xuất phát từ quan hệ quen biết thân thiện, nên trong năm 2024 chị H đã vay tiền Ngân hàng để cho anh N vay lại và dùng tiền cá nhân của mình để cho anh N vay nhiều lần, khi cho vay không viết giấy biên nhận vay tiền, đến ngày 18/11/2024 hai bên đã lập "Hợp đồng vay tiền", trong đó ghi tổng hợp tất cả các lần vay cụ thể như sau:

[2.1.1] Lần thứ nhất: Ngày 10/06/2024, chị H đã đứng tên hộ anh N để ký hợp đồng vay số LD2416202822 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPbank) số tiền vay 80.000.000 đồng, thời hạn là 48 tháng, theo phương thức trả góp gốc và lãi hàng tháng, lãi suất thả nổi của Ngân hàng (hàng tháng, VPbank đều gửi tin nhắn qua tài khoản zalo chính thức của VPbank, thông báo số tiền gốc và tiền lãi, sau đó tự động trừ số tiền này trên tài khoản ngân hàng VP Bank của chị H). Theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm duyệt khoản vay thì lãi suất là 32%/năm, biên độ điều chỉnh lãi suất là 24%. Theo thực tế trả lãi hàng tháng mà ngân hàng thông báo, thì lãi suất dao động từ 2,2%~2,68%/tháng (tương đương với 27,3%~32,2%/năm). Sở dĩ đứng tên vay hộ cho anh Nguyễn Trọng N do anh N đang nợ xấu với ngân hàng nên không thể vay được nên nhờ chị H đứng tên khoản vay. Sau khi Ngân hàng giải ngân thì chị H đã bàn giao số tiền 80.000.000 đồng cho anh N. Tuy nhiên, anh N đã trả lại cho chị H các khoản gốc và khoản lãi đến hết 11/11/2024, sau đó không trả nữa. Cụ thể, anh N đã trả cho chị H 4.378.071 đồng tiền gốc và 10.549.786 đồng tiền lãi. Còn nợ lại 75.621.929 đồng tiền gốc.

[2.1.2] Lần thứ hai: Ngày 13/06/2024, chị H cho anh N vay số tiền 67.325.000 đồng thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 13/06/2024 đến ngày 13/06/2025 với mức lãi suất 2%/tháng. Hiện nay, anh N chưa trả cho chị H số tiền gốc. Tiền lãi mới trả cho chị H tổng cộng 10.890.000 đồng.

[2.1.3] Lần thứ ba: Ngày 08/6/2024, chị H đã cho anh N vay số tiền 60.055.000 đồng, đưa tiền mặt. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 08/6/2024 đến ngày 08/6/2025 với lãi suất là 0%/tháng. Mục đích anh N vay tiền nói để làm ăn kinh doanh. Hiện đến thời điểm này chưa thanh toán được một đồng nào.

[2.1.4] Lần thứ bốn: Ngày 10/7/2024, anh N tiếp tục vay chị H số tiền 100.000.000 đồng không có lãi suất (lãi suất 0%/tháng). Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày 10/7/2024 đến ngày 10/01/2025. Tính đến nay, anh N cũng chưa trả chị H được đồng nào.

[2.2] Tổng hợp tiền gốc anh N vay bốn lần là 307.380.000đ, đã trả được 4.378.071 đồng tiền gốc, còn nợ lại 303.001.929 đồng tiền gốc. Số tiền gốc chị H cho anh N vay phù hợp với bản gốc "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 18/11/2024 do chị H xuất trình, cuối hợp đồng có chữ ký, chữ viết bằng mực mầu xanh của anh Nguyễn Trọng N dưới mục "Bên vay". Chữ ký, chữ viết bằng mực mầu xanh của chị Nguyễn Thị H dưới mục "Bên cho vay". Nay chị H khởi kiện yêu cầu anh N phải có trách nhiệm thanh toán cho chị H tổng số nợ gốc 303.001.929 đồng là có căn cứ. Do vậy cần buộc anh N phải có trách nhiệm thanh toán trả chị H số tiền gốc còn nợ nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh N vẫn không phối kết hợp để làm việc, tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số: 276/QĐ-CCTLCC ngày 05/11/2025 đã yêu cầu anh N phải cung cấp các tài liệu chứng cứ như: "*Trình bày diễn biến sự việc các bên ký*

kết Hợp đồng vay tiền ngày 18/11/2024. Quá trình thực hiện giao dịch các bên đã giao nhận tiền, thanh toán trả tiền cho nhau cụ thể như thế nào? giao nộp các hoá đơn, chứng từ, tài liệu chứng cứ chứng minh kèm theo. Yêu cầu phản tố (nếu có)", nhưng đến nay anh N vẫn không cung cấp, anh N phải chịu hậu quả về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ theo Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu đòi tiền lãi suất: Bốn khoản vay đều có sự thoả thuận về lãi suất khác nhau, nguyên đơn đều áp dụng cách tính lãi suất cụ thể của các khoản vay như sau:

[3.1] Khoản vay thứ nhất: Ngày 10/06/2024, chị H đã đứng tên hộ anh N để ký hợp đồng vay số LD2416202822 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPbank) số tiền vay 80.000.000 đồng, thời hạn là 48 tháng, theo phương thức trả góp gốc và lãi hàng tháng, lãi suất thả nổi của Ngân hàng (hàng tháng, VPbank đều gửi tin nhắn qua tài khoản zalo chính thức của VPbank, thông báo số tiền gốc và tiền lãi, sau đó tự động trừ số tiền này trên tài khoản ngân hàng VP Bank của chị H). Theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm duyệt khoản vay thì lãi suất là 32%/năm, biên độ điều chỉnh lãi suất là 24%. Theo thực tế trả lãi hàng tháng mà ngân hàng thông báo, thì lãi suất dao động từ 2,2%~2,68%/tháng (tương đương với 27,3%~32,2%/năm). Sở dĩ đứng tên vay hộ cho anh Nguyễn Trọng N do anh N đang nợ xấu với ngân hàng nên không thể vay được nên nhờ chị H đứng tên khoản vay. Sau khi Ngân hàng giải ngân thì chị H đã bàn giao số tiền 80.000.000 đồng cho anh N. Tuy nhiên, anh N đã trả lại cho chị H các khoản gốc và khoản lãi đến hết 11/11/2024, sau đó không trả nữa. Cụ thể, anh N đã trả cho chị H 4.378.071 đồng tiền gốc và 10.549.786 đồng tiền lãi suất. Còn nợ lại 75.621.929 đồng tiền gốc. Nay chị H xác định lãi trong hạn 20%/năm, số ngày tính lãi từ ngày 10/6/2024 tới ngày 13/6/2025 là 368 ngày (Tương đương 1 năm và 3 ngày), lãi trong hạn tương ứng là: (80.000.000 x 368 x 20%)/365 = 16.131.507 đồng. Sau khi trừ đi khoản tiền lãi anh N đã trả, số tiền lãi trong hạn anh N còn phải trả là: 16.131.507 – 10.549.786 = 5.581.721 đồng. Về lãi quá hạn, chị H đề nghị mức lãi suất 20%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày tiếp theo ngày chấm dứt hợp đồng (14/6/2025) cho tới ngày 09/01/2026 (ngày xét xử vụ án), tương ứng với 210 ngày (tương đương: 6 tháng và 26 ngày), là: (75.621.929 x 210 x 20%)/365 = 8.701.701 đồng. Vậy với khoản vay này, chị H đề nghị anh N trả cho chị H: 75.621.929 đồng tiền gốc, 5.581.721 đồng tiền lãi trong hạn và 8.701.701 đồng lãi quá hạn, tổng cộng cả tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là 89.905.351 đồng.

[3.2] Khoản vay thư hai: Ngày 13/06/2024, chị H cho anh N vay số tiền 67.325.000 đồng thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 13/06/2024 đến ngày 13/06/2025 với mức lãi suất 2%/tháng. Hiện anh N chưa trả cho chị H số tiền gốc. Tiền lãi mới trả cho chị H tổng cộng 10.890.000 đồng. Về lãi suất trong hạn, mặc dù các bên thỏa thuận với nhau là 2%/tháng, nhưng chị H chỉ yêu cầu anh N trả lãi tương ứng với 20%/năm. Tổng số lãi anh N phải trả từ 13/06/2024 đến ngày 13/06/2025 (tức 1 năm) là: (67.325.000 x 365 x 20%) / 365 = 13.465.000 đồng. Như vậy, sau khi trừ đi khoản tiền lãi anh N đã trả, số tiền lãi trong hạn anh N còn phải trả là: 13.465.000 – 10.890.000 = 2.575.000 đồng. Về lãi suất quá hạn, chị H đề nghị mức lãi suất 20%/năm. Thời gian tính lãi suất quá hạn bắt đầu từ ngày tiếp theo ngày hết hạn khoản vay là 14/6/2025 cho đến ngày 09/01/2026 (ngày xét xử vụ án), tương ứng với 210 ngày (tương đương: 6 tháng 26 ngày), là:

(67.325.000 x 210 x 20%)/ 365 = 7.746.986 đồng. Vậy với khoản vay này, chị H đề nghị anh N trả cho chị H: 67.325.000 đồng tiền gốc, 2.575.000 đồng tiền lãi trong hạn và 7.746.986 đồng lãi quá hạn, tổng cộng cả tiền gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là 77.646.986 đồng.

[3.3] Khoản vay thứ ba: Ngày 08/6/2024, chị H đã cho anh N vay số tiền 60.055.000 đồng, đưa tiền mặt. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 08/6/2024 đến ngày 08/6/2025 với lãi suất là 0%/tháng. Hiện chưa thanh toán được một đồng nào. Chị H đề nghị tính lãi quá hạn theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với 10%/năm. Thời gian tính lãi quá hạn bắt đầu từ ngày tiếp theo ngày hết hạn khoản vay là 09/6/2025 cho đến ngày 09/01/2026 (ngày xét xử vụ án), tương ứng với 215 ngày (tương đương: 7 tháng), là: (60.055.000 x 215 x 10%) / 365 = 3.537.486 đồng. Vậy với khoản vay này, chị H đề nghị anh N trả cho chị H: 60.055.000 đồng tiền gốc và 3.537.486 đồng tiền lãi suất quá hạn, tổng cộng cả tiền gốc, tiền lãi suất quá hạn là 63.592.486 đồng.

[3.4] Khoản vay thứ bốn: Ngày 10/7/2024, anh N tiếp tục vay chị H số tiền 100.000.000 đồng không có lãi suất (lãi suất 0%/tháng). Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày 10/7/2024 đến ngày 10/01/2025. Hiện anh N chưa trả chị H được đồng nào. Chị H đề nghị tính lãi quá hạn theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với 10%/năm. Thời gian tính lãi quá hạn bắt đầu từ ngày tiếp theo ngày hết hạn khoản vay là 11/01/2025 cho đến ngày 09/01/2026 (ngày xét xử vụ án), tương ứng với 364 ngày (Tương đương 11 tháng và 30 ngày), là: (100.000.000 x 364 x 10%) / 365 = 9.972.603 đồng. Vậy với khoản vay này, chị H đề nghị anh N trả cho chị H: 100.000.000 đồng tiền gốc và 9.972.603 đồng tiền lãi quá hạn, tổng cộng cả tiền gốc, tiền lãi suất quá hạn là 109.972.603 đồng.

[4] Tổng hợp số tiền gốc, số tiền lãi của các khoản vay kể trên, tạm tính đến ngày 09/01/2026 (ngày xét xử vụ án) là 341.117.427 đồng (Ba trăm bốn mốt triệu một trăm mười bảy nghìn bốn trăm hai bảy đồng). Chị H đề nghị Toà án buộc anh N phải có trách nhiệm trả chị H toàn bộ tiền gốc và lãi suất nêu trên.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX xét thấy về số tiền nợ gốc và cách tính lãi suất của chị H là phù hợp quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc anh Nguyễn Trọng N phải có trách nhiệm thanh toán trả chị Nguyễn Thị H tổng số tiền nợ gốc là 303.001.929 đồng và 38.115.498đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 341.117.427 đồng (Ba trăm bốn mốt triệu một trăm mười bảy nghìn bốn trăm hai bảy đồng). Xét là phù hợp Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên anh Nguyễn Trọng N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Hoàn trả chị Nguyễn Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc anh Nguyễn Trọng N phải có trách nhiệm thanh toán trả chị Nguyễn Thị H tổng số tiền nợ gốc là 303.001.929 đồng và 38.115.498đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 341.117.427 đồng (Ba trăm bốn mốt triệu một trăm mười bảy nghìn bốn trăm hai bảy đồng).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng N phải chịu 17.056.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị H 8.486.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002370 ngày 24/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo Bản án trong hời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi